

# Niềm tin Giá trị Cống hiến



**Danapha**  
PHARMACEUTICAL JSC

GMP-WHO

GMP-WHO ĐÔNG DƯỢC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011**

**THỂ HIỆN TRÁCH  
NHIỆM BẰNG NỖ LỰC  
KHÔNG MỆT MỎI,  
PHÁT HUY GIÁ TRỊ VÌ  
SỰ PHÁT TRIỂN CỘNG  
NGƯỜI VÀ TIẾN BỘ  
XÃ HỘI.**



# MỤC LỤC



- 04** Con số ấn tượng
- 05** Sự kiện nổi bật
- 08** Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 12** Giới thiệu ban Lãnh đạo
- 14** Sơ đồ tổ chức
- 18** Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011 và mục tiêu, chương trình hành động năm 2012
- 26** Báo cáo Tài chính

Thông tin về công ty  
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Thuyết minh báo cáo tài chính

**1**  
256,199 tỷ đồng doanh  
thu năm 2011

Đạt mức tăng trưởng  
**124,43%** so với năm 2010

**2**  
2,564 triệu USD kim ngạch  
xuất khẩu năm 2011

Đạt mức tăng trưởng  
**147,13%** so với năm 2010

**3**  
Thu nhập bình quân  
đạt **7,3 triệu đồng/**  
1 người/ 1 tháng



# CON SỐ ẤN TƯỢNG

Đạt mức tăng trưởng

**124,43%**

so với năm 2010

### Tháng 5 năm 2011

Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Khu sản xuất thử quy mô, hiện đại đã đi vào hoạt động. Tháng 12/2011, dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ của trung tâm đã được Cục Quản lý Dược kiểm tra và công nhận đạt tiêu chuẩn theo GMP-WHO.



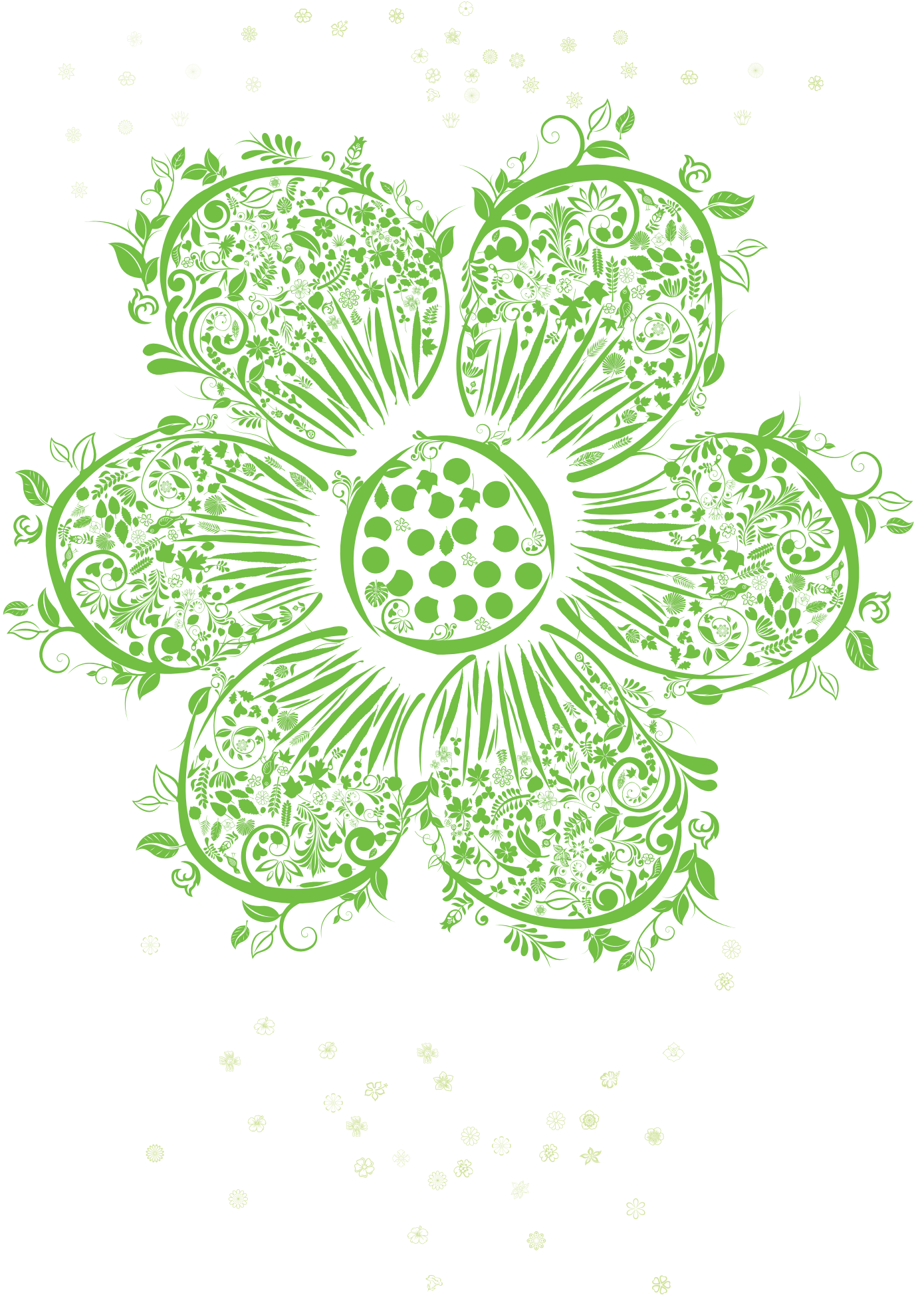
### Tháng 1 năm 2012

Danapha vinh dự được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương Độc lập Hạng 3 vì đã có những thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và Bảo vệ Tổ quốc.



# SỰ KIÊN NỖI BẤT





**KHẲNG ĐỊNH THỂ  
MẠNH ĐỒNG DƯỢC  
HÀNG ĐẦU, LIÊN  
KẾT PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ HIỆN  
ĐẠI, ĐẨY MẠNH  
XUẤT KHẨU.**



Ths. Ds. NGUYỄN QUANG TRỊ / Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc

# THÔNG ĐIỆP CT.HĐQT

“ Thành công của một thương hiệu được đo bằng những giá trị thiết thực đóng góp cho cộng đồng, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội.”





## QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG KÍNH MẾN!

Năm 2011 là một năm đầy thách thức đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Suy thoái kinh tế toàn cầu tác động trực tiếp đến nền kinh tế trong nước dẫn đến lạm phát tăng cao và việc làm ngày càng thu hẹp. Danapha cũng không nằm ngoài vòng xoáy khó khăn đó và nhiệm vụ duy trì việc làm cho người lao động, đảm bảo thực hiện các kế hoạch trong năm là áp lực không nhỏ đối với ban lãnh đạo công ty. Năm 2011, doanh thu công ty đạt 256,199 tỷ đồng và là năm đầu tiên hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, hậu quả của lạm phát, các chính sách siết chặt tiền tệ, lãi suất tăng cao đã đẩy tất cả các chi phí lên cao dẫn đến kế hoạch lợi nhuận đạt thấp. Năm 2011, lợi nhuận trước thuế của Danapha đạt 20,551 tỷ đồng và đạt 63,23% so với kế hoạch. Tuy lợi nhuận không đạt được như kỳ vọng nhưng đây đã là một sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và người lao động trong công ty với thu nhập bình quân đạt 7,3 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

Năm 2012 với những khó khăn vẫn còn trước mắt, bên cạnh việc tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đến 2015 – tầm nhìn đến 2020, ban lãnh đạo công ty xây dựng kế hoạch, đề ra những định hướng các công việc như sau:

**Một là,** Tăng cường đẩy mạnh hoạt động ở khối kinh doanh:

- Giao các chỉ tiêu cụ thể cho Ban PTKD để hoàn thành kế hoạch, mở rộng hoạt động trên kênh OTC, tạo sự bền vững trong năng lực phân phối.
- Giữ vững và phát huy hơn nữa hoạt động trên kênh ETC.
- Bảo đảm tổ chức sản xuất đáp ứng hàng hóa ít nhất 90% cho hoạt động kinh doanh và xuất khẩu.

**Hai là,** Tập trung xây dựng các kế hoạch marketing cho các nhóm sản phẩm đông dược, gia tăng doanh số của nhóm hàng này để thúc đẩy năng lực và thương hiệu Danapha.

**Ba là,** Xúc tiến xuất khẩu đảm bảo mức kế hoạch của năm 2012, mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng cường hợp tác nếu hội đủ các điều kiện cần thiết.

**Bốn là,** Xây dựng kế hoạch giảm giá vốn hàng bán, tăng năng lực cạnh tranh bằng cách:

- Tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu mua sắm, đầu tư, chi phí văn phòng, chi phí điện, nước, điện thoại, dầu đốt hơi, chi phí quản lý...
- Dự trù nguyên vật liệu hợp lý, bảo đảm kế hoạch sản xuất, tránh tồn kho, kiểm soát chi phí giá vốn hợp lý nhất, đảm bảo 90% kế hoạch thực hiện.

**Năm là,** Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng, tập trung cho các nội dung sau:

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát chất lượng thuốc đông dược.
- Tiến đến sử dụng bao bì sạch theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược.
- Đưa nhóm sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài, thuốc trẻ em và nhượng quyền thuốc tiêm chất lượng cao vào thị trường.

**Sáu là,** Thực hiện kế hoạch hành động văn hóa doanh nghiệp Danapha. Tạo sự gắn kết trong hoạt động giữa các bộ phận.

**Bảy là,** Tăng cường sự giám sát của bộ phận tài chính đối với các hoạt động một cách nghiêm ngặt nhất.

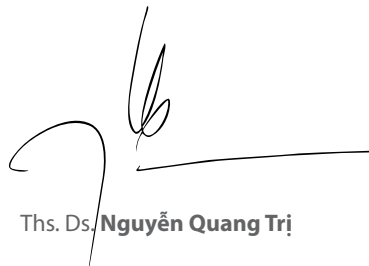
Tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự phấn đấu và tập trung cao độ, tập thể CBCNV Danapha sẽ cùng cố gắng tiếp tục xây dựng và phát triển công ty để hoàn thành kế hoạch doanh thu 300 tỷ cho năm 2012 và tiếp tục chinh phục các đỉnh cao mới. Với sự chung sức đồng lòng, với một thái độ làm việc nghiêm túc trên tinh thần hợp tác và hỗ trợ giúp đỡ nhau trong công việc, tôi tin rằng nhất định tập thể CBCNV Danapha sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt và thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra trong năm.

Ban lãnh đạo và HĐQT Công ty cổ phần Dược Danapha trân trọng gửi lời cảm ơn đến tập thể CBCNV Danapha, những người đã cùng chung vai sát cánh với Công ty trong những thời điểm khó khăn nhất; đồng thời gửi đến Quý vị cổ đông lời cảm ơn chân thành về những tin tưởng và sự ủng hộ với Danapha trong thời gian qua, sự ủng hộ của quý vị là sự khích lệ lớn lao và góp phần không nhỏ vào các thành công của Danapha. Tôi cũng tin tưởng rằng với các định hướng và chiến lược phát triển doanh nghiệp đúng đắn cộng với sự đồng thuận, sẽ chia giữa Ban lãnh đạo và tập thể người lao động, Danapha sẽ tiếp tục tăng trưởng và chinh phục các đỉnh cao mới trong tương lai.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

Trân trọng.

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc



Ths. Ds/ Nguyễn Quang Trị



**TỰ HÀO BỞI  
NGUỒN NHÂN LỰC  
TRÌNH ĐỘ CAO,  
LIÊN KẾT CHẶT CHẼ  
TRONG MỘT MÔ  
HÌNH LINH HOẠT  
SẴN SÀNG CHO  
NHỮNG MỤC TIÊU  
TÁO BẠO.**

# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ths. Ds. **NGUYỄN QUANG TRỊ**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ds. **MAI ĐĂNG ĐẦU**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ks. **NGUYỄN THỊ VẠN THỌ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Cn. **PHẠM KHẮC HÀ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ds. **PHẠM THỊ THU HÀ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

# THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



PGS-TS **NGUYỄN THỊ LIÊN HOA**  
Trưởng Ban Kiểm Soát



Cn. **NGUYỄN THỊ TRÀ VY**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát



Cn. **PHẠM HƯƠNG GIANG**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát

Cổ phần hóa từ tháng 10/2006 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2007 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Danapha. Qua hơn 46 năm trưởng thành và phát triển, Danapha ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, thương hiệu uy tín tại Việt Nam và thế giới. Đến nay, Danapha hiện có 2 nhà máy với 4 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của tổ chức y tế Thế giới” (GMP-WHO); bao gồm hệ thống kho GSP, phòng kiểm nghiệm GLP, trong đó có nhà máy sản xuất thuốc Đông dược vừa được khánh thành và đi vào hoạt động tháng 11/2010. Sản phẩm của Danapha được phân phối trên khắp 63 tỉnh thành trong cả nước thông qua 4 chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Thanh Hóa và các đại lý, nhà phân phối tại các địa phương và xuất khẩu sang các nước Nga và các nước CIS, Lào, Myanmar... Doanh thu hàng năm tăng trưởng từ 20 - 25%.

### SỨ MỆNH

Danapha luôn nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu sức khỏe cộng đồng bằng việc mang đến những sản phẩm chất lượng tốt nhất, nhân rộng những giá trị nhân văn cao đẹp.

### TÂM NHÌN

Nằm trong danh sách 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín nhất tại Việt Nam, đưa Danapha trở thành thương hiệu dược phẩm được biết đến khắp khu vực Đông Nam Á.

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

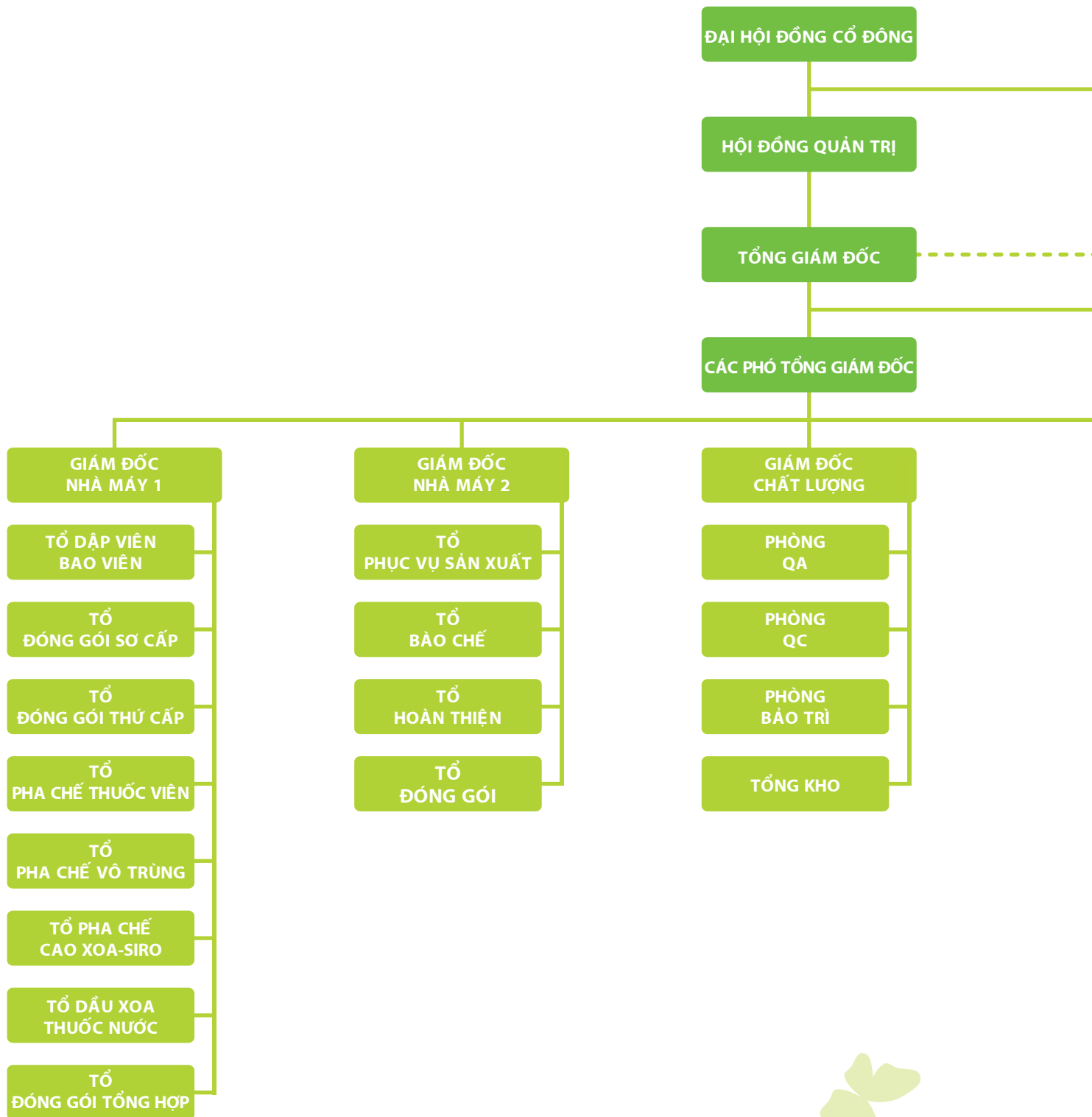
Những đặc tính quan trọng làm nền tảng cho sự phát triển trường tồn đã được xây dựng thành các giá trị cốt lõi nổi bật của Danapha.

- Sự tôn trọng
- Tính chính trực
- Tính minh bạch
- Sự đổi mới
- Chất lượng
- Chú trọng khách hàng
- Tinh thần tập thể
- Tính hiệu quả
- Hướng đến Cộng đồng
- Tính chuyên nghiệp

Chúng ta sẽ tiếp tục cùng nhau phấn đấu đưa Danapha chinh phục mọi thách thức, khẳng định vị thế của Danapha trên thị trường Dược phẩm của Việt Nam và khu vực.



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA



BAN KIỂM SOÁT

THƯ KÝ  
TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC  
KINH DOANH

PHÒNG  
MARKETING

CHI NHÁNH  
HÀ NỘI

CHI NHÁNH  
TP. HỒ CHÍ MINH

CHI NHÁNH  
THANH HÓA

CHI NHÁNH  
KHÁNH HÒA

PHÒNG BÁN HÀNG  
ĐÀ NẴNG

PHÒNG  
ĐT & XNK

PHÒNG  
KẾ HOẠCH - SẢN XUẤT

GIÁM ĐỐC  
TÀI CHÍNH

PHÒNG  
KẾ TOÁN

PHÒNG  
TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC  
NHÂN SỰ

PHÒNG  
NHÂN SỰ

PHÒNG  
HÀNH CHÍNH

GIÁM ĐỐC  
TT NGHIÊN CỨU & PT

NGHIÊN CỨU  
SẢN PHẨM

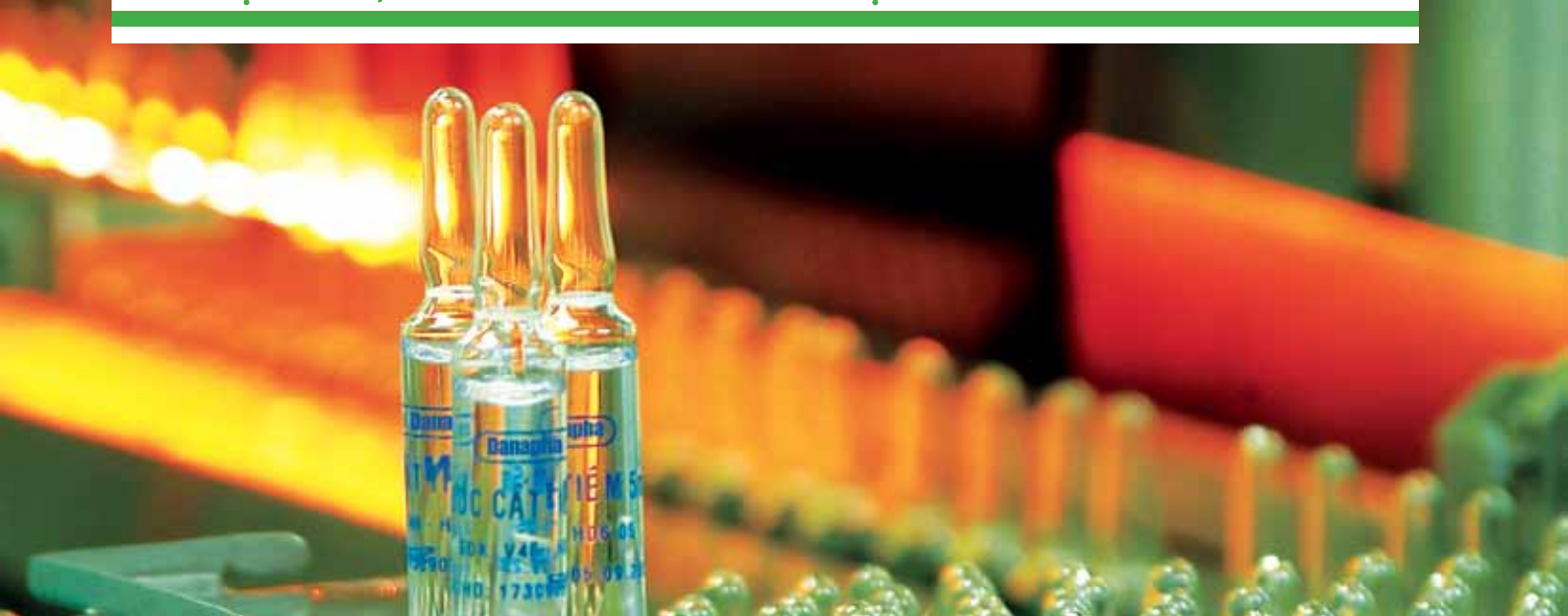
NGHIÊN CỨU  
THỊ TRƯỜNG





**CHẮT LỘC NHỮNG  
TINH HOA TỪ THIÊN  
NHIÊN ĐỂ TẠO NÊN  
NHIỀU SẢN PHẨM  
THIỆT THỰC PHỤC VỤ  
VÀ NÂNG CAO CHẤT  
LƯỢNG CUỘC SỐNG.**

# BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011 VÀ MỤC TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NĂM 2012



## I. KHÁI QUÁT

### 1. Cơ cấu sở hữu của Danapha hiện hữu:

Vốn điều lệ: 62 tỷ đồng.

Trong đó:

- Cổ đông của Danapha sở hữu 591.955 cổ phần chiếm tỷ lệ 9,55%
- Cổ đông Tổng Công ty Dược VN sở hữu 2.916.125 cổ phần chiếm tỷ lệ 47,03%
- Cổ đông ngoài sở hữu 2.691.920 cổ phần chiếm tỷ lệ 43,42%

### 2. Thuận lợi:

- Bối cảnh năm 2012 theo chủ trương đó là năm khôi phục ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát và phục hồi tăng trưởng. Về nguyên tắc đó là nhiệm vụ thông thường khi một nền kinh tế lâm vào khó khăn.
- Tình hình thị trường dược phẩm năm 2011 cơ bản ổn định, một số mặt hàng tăng giá nhưng không đáng kể. Công tác quản lý hoạt động kiểm nghiệm thuốc, cung ứng, sử dụng thuốc và giá thuốc tiếp tục nhận được sự quan tâm của Bộ Y tế.
- Các sản phẩm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu nhận được sự quan tâm của chính phủ, Bộ Y tế trong việc đầu tư xây dựng các bệnh viện YHCT, quy hoạch các vùng dược liệu và tiêu chuẩn hóa các cơ sở sản xuất. Đây cũng là một trong những lợi thế của Danapha với các sản phẩm truyền thống của mình.
- Tại Danapha, công tác đầu tư máy móc thiết bị tiếp tục được quan tâm, đã tự động hóa được các công đoạn sản xuất cần

hiều nhân lực và cần độ chính xác cao, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng tính cạnh tranh.

- Trung tâm Nghiên cứu phát triển đi vào hoạt động và đã được công nhận đạt chuẩn GMP-WHO cho dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ là một bước tiến mới trong hoạt động của doanh nghiệp. Công tác phát triển sản phẩm mới, chuẩn hóa quy trình và quản lý chất lượng sản phẩm có hàm lượng công nghệ được nâng cao và ngày càng hoàn thiện hơn.
- Công tác tái cấu trúc lại doanh nghiệp với việc thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các vị trí chủ chốt để nâng cao năng lực hoạt động của Danapha.
- Công tác ứng dụng CNTT trong quản trị doanh nghiệp theo hướng ERP đã mang lại những hiệu quả tích cực. Phân hệ Tài chính kế toán sẽ chính thức hoạt động từ 01/01/2012. Phân hệ Nhân sự đã xong giai đoạn triển khai và đang tiến hành cập nhật cơ sở dữ liệu để đi vào hoạt động chính thức.
- Công tác bán hàng luôn được quan tâm và tạo điều kiện tốt, các chi nhánh mới đã bắt đầu hoạt động có hiệu quả, một số mặt hàng đã bắt đầu được tiêu thụ với số lượng tốt. Thiết lập bộ máy marketing để hỗ trợ tốt hoạt động kinh doanh.
- Đời sống của CBCNV công ty luôn được quan tâm trong việc tạo công ăn việc làm tuy có lúc trong thời điểm giữa quý 3 và đầu quý 4 chưa ổn định. Lương bình quân trong năm đạt 7,3 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

### 3. Khó khăn:

- Sức khỏe doanh nghiệp bị hao hụt nặng. Theo Bộ KHĐT 9 tháng đầu năm có gần 50.000 doanh nghiệp (9% tổng số)



đóng cửa. Có bằng chứng gián tiếp doanh nghiệp đóng cửa có thể 30 – 35% tức là gấp 3 – 4 lần số công bố. Song con số 9% cũng đủ nói lên tính nghiêm trọng của tình hình.

- Các dự báo đều thống nhất kinh tế thế giới năm 2012 sẽ ảm đạm thậm chí còn tệ hơn năm 2011. Sự bất ổn gia tăng giữa chiến tranh tiền tệ và chiến tranh thương mại có khả năng gây ra suy thoái kép.
- Trong tình hình hiện nay cho phép nhận định ngày càng khó khăn do lạm phát cao và việc làm bị thu hẹp. Hệ quả là sức mua xã hội giảm và lòng tin bị xói mòn.
- Suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế của Việt Nam. Lạm phát, lãi suất tăng cao, đẩy không ít doanh nghiệp trong nước vào tình trạng khó khăn. Trong bối cảnh chung đó, ngoài việc phải chịu tác động đầu vào, các doanh nghiệp dược phẩm trong nước còn phải chịu thêm áp lực giá đầu ra, bị kiểm soát bởi các quy định của Bộ Y tế.
- Báo cáo gần nhất của Bộ Y tế về tình hình sử dụng thuốc nội trong hệ thống bệnh viện các tuyến chỉ ra những con số chênh lệch rất lớn: Tại các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã, tỉ lệ sử dụng thuốc nội lên đến 70-80%, nhưng ở bệnh viện trung ương tỉ lệ này chưa đến 30%. Tại các bệnh viện mắt, ung bướu, tim... chỉ 5% thuốc nội được sử dụng.
- Công tác đấu thầu thuốc tại các bệnh viện vẫn còn nhiều bất cập, khả năng thu hồi nợ tại các bệnh viện vẫn còn rất chậm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Người tiêu dùng Việt Nam ở thời điểm hiện tại vẫn chưa đặt niềm tin cao vào thuốc nội, dù giá rẻ hơn nhiều lần so thuốc nhập ngoại.

- Khả năng đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao của ngành dược vẫn còn hạn chế, nhất là khu vực miền Trung.
- Tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt đối với các sản phẩm thuốc thông thường của các doanh nghiệp trong nước.
- Việc cấp số đăng ký gặp nhiều khó khăn cũng ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011

### 1. Dự kiến Kết quả thực hiện SXKD:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2011	Thực hiện năm 2011	TH/KH (%)	TH 2011/ TH 2010 (%)
Giá trị SXCN	140.000	139.404	99,57	121,69
Doanh thu	250.000	256.199	102,48	124,43
Lợi nhuận trước thuế	32.500	20.551	63,23	76,14

Trong đó:

- Doanh thu từ khối nội địa: 179,541 tỷ đồng. Cụ thể:
  - CN. Hà Nội: 43,388 tỷ đồng (đạt 86,78% kế hoạch)
  - CN. Tp. HCM: 49,308 tỷ đồng (đạt 98,62% kế hoạch)
  - CN. Thanh Hóa: 30,867 tỷ đồng (đạt 102,89% kế hoạch)
  - CN. Khánh Hòa: 17,238 tỷ đồng (đạt 86,19% kế hoạch)
  - Phòng Bán hàng: 38,740 tỷ đồng (đạt 96,85% kế hoạch)
- Doanh thu từ khối bao tiêu: 23,767 tỷ đồng (đạt 118,84% kế hoạch)
- Doanh thu từ xuất khẩu: 52,891 tỷ đồng (đạt 132,23% kế hoạch)



### \* **Đánh giá chung:**

Kết quả doanh thu năm 2011 đã phản ánh sự nỗ lực lớn của lãnh đạo và tập thể người lao động công ty, thể hiện qua các yếu tố sau:

- Đã có sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo công ty, sự phối hợp giữa các bộ phận ngày càng nhịp nhàng và đồng bộ.
- Năm 2011 là năm đánh giá cao hoạt động khối chất lượng và khối sản xuất gồm nhà máy 1 và nhà máy 2.
- Kế hoạch xuất khẩu tăng trưởng tốt và tiếp tục được đẩy mạnh với nhóm hàng đồng được.
- Đưa quản trị ERP vào hoạt động kinh doanh, tăng kỹ năng quản trị trên hệ thống kinh doanh.

Tuy nhiên với những khó khăn chung của nền kinh tế và tác động trực tiếp của nó đến các doanh nghiệp như đã phân tích ở trên dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận không đạt được như kỳ vọng.

Ngoài ra, một số hạn chế vẫn cần được khắc phục:

- Công tác kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm để giảm giá vốn hàng bán, gia tăng lợi nhuận và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của Danapha.
- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp và thông tin giữa các bộ phận, đặc biệt là giữa khối kinh doanh với kế hoạch sản xuất và Trung tâm R&D.
- Tập trung hơn nữa cho công tác bán hàng và chính sách bán hàng, chuyên nghiệp hơn nữa đối với trình dược viên, tăng cường đào tạo kỹ năng cho đội ngũ bán hàng.
- Tăng cường công tác thu hồi nợ trên kênh ETC và tập trung phát triển mạng lưới OTC.
- Chưa thực hiện được kế hoạch hành động văn hóa doanh nghiệp Danapha.
- Cần mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

### **2. Hoạt động sản xuất:**

- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyển 1: Trong năm 2011, khối lượng nhập kho đạt 582.107.381 tổng đơn vị phân liều (Đạt 98,4% kế hoạch được giao) với 240.986.996 viên nén; 328.060.215 viên bao; 13.060.170 viên nang và 2.812.350 thuốc gói.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyển 2: Trong năm 2011, khối lượng nhập kho đạt 40.049.108 tổng đơn vị phân liều (Đạt 84,04% kế hoạch được giao) với 11.142.020 ống thuốc tiêm; 9.964.164 lọ thuốc mắt, mũi; 16.147.880 hộp cao dầu và 2.795.044 ống hít.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Nhà máy 2: Trong năm 2011, nhập kho cao khô, bột với tổng khối lượng 43.195 kg, đạt 100,3% kế hoạch; Tổng số lượng viên đạt 167.224.414 viên, đạt 75,6% kế hoạch.

- Kết quả trên phản ánh những nỗ lực rất lớn trong điều hành sản xuất tại các nhà máy, đảm bảo duy trì sản xuất thường xuyên và cung ứng hàng kịp thời.
- Sự phối hợp giữa các bộ phận ngày càng hiệu quả trong tất cả các khâu của toàn bộ quá trình sản xuất.
- Tuy nhiên, tình trạng lỗi do chủ quan của công nhân trong công tác đóng gói, lỗi do bao bì, nhất là bao bì thuốc nước và thuốc dùng ngoài vẫn còn nhiều.

### **3. Công tác Kế hoạch sản xuất:**

- Công tác kế hoạch sản xuất ngày càng được củng cố và đã từng bước phát huy được hiệu quả rõ rệt.
- Trong năm 2011, nhìn chung công tác điều độ, cung ứng đã đáp ứng kịp thời cho sản xuất nhất là 6 tháng đầu năm khi mà hàng xuất khẩu gia tăng đột biến.
- Công tác dự báo, dự trữ ngày càng được cải thiện, công tác cung ứng nguyên liệu, bao bì ngày càng hiệu quả, hạn chế tồn kho.
- Tuy nhiên, chất lượng bao bì của các cơ sở trong nước chưa đáp ứng được với một số chủng loại. Đã chuyển sang nhập khẩu một số bao bì xuất khẩu cũng như nội địa, nhất là bao bì thuốc tiêm, nước và dùng ngoài.
- Cần tăng cường hơn nữa khả năng dự báo để lập kế hoạch tốt nhất, tránh trường hợp đứt hàng kéo dài làm giảm năng lực cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.
- Trong năm 2011, tổng số lệnh sản xuất đạt 1.620 lệnh cho cả hai nhà máy.

### **4. Về hoạt động tiếp thị và bán hàng:**

- Công tác bán hàng vẫn luôn được xem là công tác trọng điểm trong hoạt động của doanh nghiệp và nhận được quan tâm rất lớn của lãnh đạo công ty.
- Kết quả thực hiện doanh thu năm 2011 của khối nội địa đạt 94,49% so với kế hoạch, khối bao tiêu đạt 118,84% so với kế hoạch đã thể hiện sự nỗ lực lớn của bộ phận bán hàng trong điều kiện còn nhiều khó khăn của năm qua. Tuy nhiên một số mặt hàng định hướng chưa đạt so với kế hoạch đề ra.
- Một số chi nhánh tuy mới thành lập nhưng đã phát huy được khả năng hoạt động như chi nhánh Thanh Hóa.
- Các chính sách bán hàng sẽ được tiếp tục xem xét và điều chỉnh thích hợp, bảo đảm các điều kiện tốt nhất cho hoạt động bán hàng.
- Đã thành lập bộ phận marketing và từng bước đưa hoạt động của bộ phận này vào hệ thống kinh doanh. Đã xây dựng đề án marketing cho năm 2012 với các chương trình quảng bá cho các sản phẩm chủ lực và hình ảnh của công ty, góp phần thúc đẩy hoạt động quảng bá thương hiệu Danapha và sản phẩm.

- Thời gian đến sẽ tiếp tục tuyển dụng và bổ sung nhân sự cho các địa bàn còn thiếu, mỏng. Tăng cường đào tạo một cách hiệu quả cho trình dược viên trên các kênh bán hàng.
- Tiếp tục xây dựng sứ mệnh, hình ảnh và các cam kết của công ty để xây dựng một thương hiệu gắn gũi mà tin tưởng đối với khách hàng. Tham gia các hội chợ trong và ngoài nước, các hội thảo quan trọng, thực hiện các hoạt động xã hội để đưa thương hiệu Danapha đến gần hơn với người tiêu dùng.

#### 5. Công tác xuất nhập khẩu:

- Công tác xuất khẩu đã có sự tăng trưởng đột phá về doanh thu, kim ngạch xuất khẩu năm 2011 đạt 2,56 triệu USD, đạt 128% kế hoạch năm và tăng trưởng 147,13% so với cùng kỳ.
- Công tác xúc tiến thương mại luôn được quan tâm trong việc tìm kiếm các thị trường mới, thị trường tiềm năng. Hiện tại đang từng bước mở rộng tại thị trường Lào. Đã hoàn tất các thủ tục đăng ký một số sản phẩm Danapha tại Bộ Y tế các nước Nigeria, Myanmar và đã gửi hàng mẫu cho các đối tác từ Myanmar và Cuba. Một số các khách hàng đang tìm hiểu và trao đổi thông tin đến từ các nước Sri Lanka, Cộng hòa Yemen, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Trung Đông, Châu Phi,...
- Công tác nhập khẩu đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất. Trong năm đảm bảo 100% chất lượng các lô hàng nhập, không lô hàng nào bị trả lại.
- Kim ngạch nhập khẩu năm 2011 đạt 1,14 triệu USD.
- Trong năm 2011 đã xem xét nhập một số bao bì xuất khẩu và nội địa do bao bì trong nước không đạt chất lượng. Năm 2012 tiếp tục xem xét nhập khẩu một số dược liệu với đầy đủ các chứng nhận về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm đồng dược.

#### 6. Công tác nghiên cứu và phát triển:

- Việc đưa vào hoạt động Trung tâm Nghiên cứu phát triển quy mô, hiện đại đã mở ra một trang mới trong hoạt động của Danapha trong công tác nghiên cứu sản phẩm mới, ổn định và nâng cao quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Trong năm 2011 công tác nghiên cứu đã cho ra đời 22 sản phẩm mới gồm 08 sản phẩm đồng dược, 03 sản phẩm là thực phẩm chức năng, 10 sản phẩm thuốc generic và đặc biệt là 01 sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài Daglezide MR30. Đã đưa vào triển khai sản xuất 07 sản phẩm mới của năm 2011 với 05 thuốc tiêm và 02 thuốc viên.
- Đã cải tiến công thức 07 sản phẩm và 05 quy trình sản xuất để đảm bảo ổn định và hợp lý hóa sản xuất.
- Đối với các đề tài khoa học: Đang triển khai 02 đề tài cấp Bộ và tương đương, 01 đề tài cấp cơ sở. Đã đăng ký 01 đề tài nghiên cứu sinh và xin ngân sách hỗ trợ từ thành phố.
- Tiếp tục hợp tác với các chuyên gia đầu ngành của các Viện, Trường để cho ra đời các sản phẩm mới có tác dụng và hiệu

quả điều trị cao. Đã ký hợp đồng làm việc bán thời gian với một chuyên gia từ Trường đại học Dược Tp. HCM. Hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ với Ban Nghiên cứu khoa học Đại học Y dược Tp. Hồ Chí Minh.

- Chủ động tạo mối quan hệ với các đối tác nước ngoài để tăng cường khâu đăng ký sản phẩm mới cho thị trường xuất khẩu như: Lào, Nga,...
- Tiếp tục nghiên cứu các quy trình chiết xuất pilot trên dây chuyền mini để hoàn thiện các quy trình chiết xuất chính thức của Nhà máy 2 nhằm tăng hiệu quả quá trình chiết và tiết kiệm chi phí.
- Hoàn thành việc bảo vệ Dây chuyền sản xuất qui mô nhỏ theo tiêu chuẩn GMP-WHO và đã được Cục Quản lý Dược công nhận.
- Nghiên cứu thị trường, khảo sát và thu thập thông tin, phối hợp với bộ phận bán hàng để tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của thị trường để có các chính sách sản phẩm đúng đắn.

#### 7. Công tác quản lý chất lượng:

- Triển khai thực hiện và duy trì thường xuyên và định kỳ hoạt động kiểm tra chất lượng theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GMP-WHO. Theo dõi và điều chỉnh, cập nhật kịp thời các quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong sản xuất.
- Luôn thực hiện cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng, huấn luyện nhân viên mới, huấn luyện lại nhân viên trong hệ thống chất lượng để thường xuyên cập nhật kiến thức về công tác đảm bảo chất lượng.
- Công tác tái thẩm định cho Nhà máy 1 và kiểm tra công nhận đạt tiêu chuẩn GMP-WHO cho dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ của Trung tâm R&D đã được tiến hành, được đoàn kiểm tra đánh giá cao và đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý Dược cấp giấy chứng nhận.
- Tổng số lượng mẫu nguyên liệu, bao bì, bán thành phẩm, thành phẩm cần kiểm tra trong năm đạt 22.402 mẫu. Tiến hành lưu mẫu theo quy định.
- Trong năm đã tiến hành thẩm định 19 quy trình sản xuất với 11 sản phẩm thuốc viên và 08 sản phẩm thuốc nước. Thực hiện kiểm định các thiết bị định kỳ. Tổng số quy trình phân tích đã được thẩm định trong năm là 33 gồm 08 tại phòng QC và 25 tại trung tâm R&D.
- Hoạt động kiểm tra trong quá trình sản xuất (IPC) được duy trì thường xuyên tại cả hai nhà máy và kết hợp chặt chẽ với các giám đốc nhà máy, quản lý kỹ thuật để phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót. Trong năm không có sản phẩm nào không đạt chất lượng khi xuất xưởng và không có sản phẩm nào bị đình chỉ lưu hành trên thị trường.
- Tham gia đánh giá nhà cung ứng để ổn định chất lượng bao bì, nguyên liệu, dược liệu đầu vào. Trong năm đã có 690 quyết định nhập nguyên liệu, 1.819 quyết định nhập bao bì và 40 quyết định không nhập vật tư.



- Công tác giám sát các mặt về tình trạng hoạt động của thiết bị, tình trạng hoạt động của hệ thống PCCC, vệ sinh nhà xưởng luôn được quan tâm theo dõi thường xuyên.
- Công tác thẩm định được tiến hành định kỳ theo kế hoạch như: Thẩm định hệ thống điều hòa không khí, thẩm định quy trình vệ sinh, môi trường vô trùng, tay nhân viên, hệ thống khí nén,...
- Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 thường xuyên được cập nhật, theo dõi. Đã tiến hành đánh giá định kỳ và được tái cấp giấy chứng nhận vào tháng 4/2011.
- Tuy nhiên số lượng phiếu không phù hợp tăng cao. Năm 2011 tổng số phiếu không phù hợp là 134 phiếu, tăng 52 phiếu so với năm 2010. Nguyên nhân chính là do bao bì, nguyên vật liệu đầu vào chưa ổn định, do quy trình sản xuất chưa ổn định và do xử lý các dư phẩm, phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất.

#### 8. Công tác đầu tư:

- Trung tâm nghiên cứu phát triển đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng vào tháng 5/2011, đáp ứng tốt các tiêu chí đề ra. Tháng 12/2011, dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ của trung tâm đã được Cục Quản lý Dược kiểm tra và công nhận đạt tiêu chuẩn theo GMP-WHO.
- Chú trọng đầu tư các thiết bị cho các công đoạn cần nhiều sức lao động, dễ gây nhàm lẫn và yêu cầu thao tác chuẩn như các công đoạn đóng gói, phân liều. Trong năm 2011 đã đầu tư: 01 hệ thống chiết lọ, đậy nắp nút thuốc nhỏ mắt tự động, 01 máy đóng hộp cao sao vàng tự động, 01 máy chiết rót cao sao vàng, 01 máy đóng ống hít, 01 tủ sấy 2000 lít.
- Đầu tư thêm máy chủ cho hệ thống server công ty để nâng cao năng suất hoạt động của hệ thống. Đầu tư xe ô tô cho hoạt động của chi nhánh. Cải tạo văn phòng và kho cho chi nhánh Tp.HCM.
- Thực hiện sơn epoxy các chuyền sản xuất của nhà máy 1 phục vụ cho công tác tái thẩm định GMP-WHO của nhà máy.

- Thực hiện cải tạo để tách biệt khu vực pha chế thuốc nhỏ mũi, tai khỏi dây chuyền thuốc nhỏ mắt, mũi theo đúng nguyên tắc của GMP. Thực hiện cải tạo để tách biệt khu vực pha chế thuốc siro uống khỏi dây chuyền pha chế cao sao vàng và siro.
- Thực hiện đầu tư cho Trung tâm R&D: Hệ thống bàn ghế thí nghiệm, hệ thống thiết bị phân tích, kiểm tra, thí nghiệm, bàn ghế làm việc,...
- Thực hiện sơn ngoài nhà cho toàn bộ các hạng mục trong khuôn viên công ty, tạo bộ mặt mới cho doanh nghiệp.

#### 9. Công tác tài chính:

- Các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát đã có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Các hoạt động siết chặt tín dụng dẫn đến việc tiếp cận khó khăn với các nguồn vốn và lãi suất tăng cao cũng gây khó khăn trong việc triển khai các chính sách tài chính của công ty.
- Trong năm 2011, tình hình tài chính nhìn chung cơ bản ổn định, doanh thu tăng khả quan nhưng lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng bởi các yếu tố khách quan cũng như chủ quan. Các chính sách liên quan đến hoạt động bán hàng luôn được quan tâm. Công tác kiểm soát chi phí được thực hiện quyết liệt hơn để giảm giá vốn hàng bán.
- Siết chặt công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp góp phần gia tăng lợi nhuận.
- Xem xét nguồn vốn đầu tư vào các doanh nghiệp, lựa chọn các doanh nghiệp có khả năng và lợi thế để mở rộng hoạt động của Danapha.

#### 10. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo:

- Với tốc độ doanh thu ngày càng tăng và yêu cầu ngày càng cao đòi hỏi nguồn nhân lực ngày càng phải tăng về cả lượng và chất.
- Tiếp tục tái cấu trúc, đánh giá tổng thể nguồn nhân lực để xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng, hiệu quả.
- Mô tả lại công việc ở tất cả các vị trí để làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng nguồn nhân lực và có các điều chỉnh kịp thời. Cơ bản hoàn thành bộ mô tả công việc cho tất cả các vị trí công tác.
- Tăng cường công tác đào tạo cho đội ngũ bán hàng, quản lý cấp trung, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ với đầy đủ năng lực và phẩm chất để làm đội ngũ kế thừa cho tương lai phát triển của công ty.
- Công tác tuyển dụng chú trọng thu hút được nhân tài trong điều kiện khó khăn của miền Trung, đánh giá chất lượng ứng viên ngay từ đầu để có được nguồn nhân lực có chất lượng cao.

- Tính đến 31/12/2011, tổng số CBCNV công ty là 367 người. Trong đó: Trình độ trên đại học là 12 người; Đại học là 123 người; Cao đẳng và trung cấp là 131 người; Sơ cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông là 101 người.
- Công tác đào tạo và đào tạo lại luôn được chú trọng. Trong năm đã thực hiện được 7.536 giờ đào tạo với 185 giờ đào tạo nội bộ của công ty. Tổng số lượt đào tạo trong năm là 350 người với 35 nội dung đào tạo.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

#### 1. Dự báo tình hình năm 2012:

Các nội dung về kim chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện còn nhiều khó khăn của nền kinh tế thế giới nhận được nhiều quan tâm từ chính phủ dẫn đến việc chính sách tiền tệ sẽ được kiểm soát và siết chặt hơn.

Việc tiếp cận khó khăn với các nguồn tài trợ, lãi suất tăng cao, tỷ giá không ổn định đòi hỏi doanh nghiệp phải có những kế sách hợp lý trong điều hành hoạt động SXKD của mình.

Ngành dược dự báo sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng tốt, chỉ tiêu tiền thuốc bình quân năm 2010 đã đạt 22 USD/người/năm, tăng 19% so với năm 2009 và tăng gấp 4 lần so với 10 năm trước đó, năm 2000. Năm 2012 thị trường dược phẩm VN dự báo tiếp tục sẽ tăng trưởng. Các chính sách về sử dụng thuốc nội tại các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục được quan tâm.

Quá trình hội nhập với thế giới buộc các doanh nghiệp phải có những định hướng và quyết sách đúng đắn để nâng tầm và thương hiệu cho doanh nghiệp trên các sân chơi lớn hơn.

#### 2. Dự kiến kế hoạch năm 2012:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2011 và tình hình thực tế của thị trường cũng như thực tế SXKD của doanh nghiệp, Danapha tập trung phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2012 theo chỉ tiêu kế hoạch như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 160 tỷ đồng
- Doanh thu: 300 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (11%): 33 tỷ đồng

#### 3. Các giải pháp hành động cần tập trung cho năm 2012:

Mục tiêu năm 2012 là ổn định để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và tăng trưởng hơn nữa, đảm bảo công ăn việc làm và các chế độ cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội. Bảo đảm mức thu nhập bình quân trên 7,5 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng. Trên cơ sở đó, các giải pháp sẽ được tập trung vào các vấn đề chính sau:

##### 3.1. Tăng cường đẩy mạnh hoạt động ở khối kinh doanh:

- Giao các chỉ tiêu cụ thể cho Ban PTKD để hoàn thành kế hoạch, mở rộng hoạt động trên kênh OTC, tạo sự bền vững trong năng lực phân phối.

- Giữ vững và phát huy hơn nữa hoạt động trên kênh ETC.
- Bảo đảm tổ chức sản xuất đáp ứng hàng hóa ít nhất 90% cho hoạt động kinh doanh và xuất khẩu.
- 3.2. Tập trung xây dựng các kế hoạch marketing cho các nhóm sản phẩm đông dược, gia tăng doanh số của nhóm hàng này để thúc đẩy năng lực và thương hiệu Danapha.
- 3.3. Xúc tiến xuất khẩu đảm bảo mức kế hoạch của năm 2012, mở rộng hợp tác nếu hội đủ các điều kiện cần thiết.
- 3.4. Tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu mua sắm, đầu tư, chi phí văn phòng, chi phí điện, nước, dầu đốt hơi, chi phí quản lý. Thực hành tiết kiệm tối đa các chi phí điện, nước, điện thoại,...
- 3.5. Dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, bảo đảm kế hoạch sản xuất, tránh tồn kho, kiểm soát chi phí giá vốn hợp lý nhất, đảm bảo 90% kế hoạch thực hiện.
- 3.6. Công tác chất lượng lưu ý đến chất lượng thuốc đông dược và bao bì sạch theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược.
- 3.7. Thực hiện kế hoạch hành động văn hóa doanh nghiệp Danapha. Tạo sự gắn kết trong hoạt động giữa các bộ phận.
- 3.8. R&D đưa nhóm sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài, thuốc trẻ em và nhượng quyền thuốc tiềm chất lượng cao vào thị trường.
- 3.9. Các kế hoạch được sự giám sát của hoạt động tài chính một cách nghiêm ngặt nhất.

#### TỔNG GIÁM ĐỐC







**ĐƯA UY TÍN VÀ  
DANH TIẾNG CỦA  
MÌNH NẴM TRONG  
NHỮNG CÔNG TY  
SẢN XUẤT VÀ KINH  
DOANH ĐÔNG DƯỢC  
HÀNG ĐẦU CẢ NƯỚC.**

# THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

## Giấy Chứng nhận Đăng kí

<b>Kinh doanh số</b>	3203001246	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
	0400102091	Ngày 14 tháng 09 năm 2010
	0400102091	Ngày 17 tháng 05 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh doanh và giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Nguyễn Quang Trị	Chủ tịch
	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên
	Nguyễn Thị Vạn Thọ	Thành viên
	Phạm Khắc Hà	Thành viên
	Mai Đăng Đầu	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thị Vạn Thọ	Phó Tổng Giám đốc
	Mai Đăng Đầu	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG Việt Nam

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dược Danapha



KPMG Limited: 10<sup>th</sup> floor, Sun Wah Tower,  
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam  
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267  
Web: www.kpmg.com.vn

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty") tại, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-480



### Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2012

### Nguyễn Anh Tuấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

# Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2011


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>168.373.519.323</b>	<b>173.401.053.831</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	24.167.472.208	29.775.258.517
Tiền	111		12.141.147.745	29.775.258.517
Các khoản tương đương tiền	112		12.026.324.463	-
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>6.649.782.451</b>
Các khoản phải thu	130	4	78.184.203.950	72.397.451.228
Phải thu khách hàng	131		73.132.158.718	62.261.947.270
Trả trước cho nhà cung cấp	132		1.608.580.231	8.417.127.334
Các khoản phải thu khác	135		4.155.464.609	2.088.866.543
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(711.999.608)	(370.489.919)
Hàng tồn kho	140	5	62.969.473.640	58.831.579.338
Hàng tồn kho	141		63.113.594.475	60.331.511.033
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(144.120.835)	(1.499.931.695)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.052.369.525	5.746.982.297
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		197.812.273	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.851.123.143	5.743.548.188
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		3.434.109	3.434.109
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>140.789.065.676</b>	<b>91.283.619.441</b>
Tài sản cố định	220		126.641.065.676	77.321.585.191
Tài sản cố định hữu hình	221	6	84.603.814.143	75.856.189.065
Nguyên giá	222		144.331.718.253	122.888.359.251
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.727.904.110)	(47.032.170.186)
Tài sản cố định vô hình	227	7	42.037.251.533	-
Nguyên giá	228		42.037.251.533	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	-	1.465.396.126
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>13.820.000.000</b>	<b>13.820.000.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>328.000.000</b>	<b>142.034.250</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		328.000.000	142.034.250
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>309.162.584.999</b>	<b>264.684.673.272</b>

## Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>165.637.721.832</b>	<b>121.760.025.394</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>143.198.878.350</b>	<b>81.420.768.799</b>
Vay ngắn hạn	311	10	56.007.068.136	18.384.624.089
Phải trả người bán	312		24.215.286.346	26.978.627.080
Người mua trả tiền trước	313		1.207.506.685	101.024.923
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	11	2.126.610.950	2.058.931.018
Phải trả người lao động	315		1.945.160.493	3.344.548.408
Chi phí phải trả	316	12	3.883.798.887	4.563.652.376
Phải trả khác	319	13	52.418.280.164	24.780.153.484
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	1.395.166.689	1.209.207.421
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.438.843.482</b>	<b>40.339.256.595</b>
Vay dài hạn	334	15	22.406.204.118	40.235.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	32.639.364	104.256.595
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>143.524.863.167</b>	<b>142.924.647.878</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>143.524.863.167</b>	<b>142.924.647.878</b>
Vốn cổ phần	411	17	62.000.000.000	62.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		58.100.000.000	58.100.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	417	18	20.091.073.084	19.681.730.578
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	3.142.917.300	3.142.917.300
Lợi nhuận chưa phân phối	420		190.872.783	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>309.162.584.999</b>	<b>264.684.673.272</b>

Người lập:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người duyệt:



**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 (VND)	2010 (VND)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>256.199.286.447</b>	<b>205.892.409.339</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>19</b>	<b>(500.998.770)</b>	<b>(1.310.041.427)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>255.698.287.677</b>	<b>204.582.367.912</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>(149.307.287.621)</b>	<b>(113.223.784.174)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>106.391.000.056</b>	<b>91.358.583.738</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.065.233.554	2.577.162.269
Chi phí tài chính	22	22	(17.122.597.648)	(5.367.217.496)
Chi phí bán hàng	24		(45.209.660.018)	(38.223.041.419)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.552.332.468)	(23.299.011.668)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>21.571.643.476</b>	<b>27.046.475.424</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31		385.734.534	10.161.811
Chi phí khác	32		(1.406.152.188)	(64.240.119)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>20.551.225.822</b>	<b>26.992.397.116</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>23</b>	<b>(6.974.634.748)</b>	<b>(5.081.159.186)</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>13.576.591.074</b>	<b>21.911.237.930</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>2.189</b>	<b>4.092</b>

Người lập:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người duyệt:



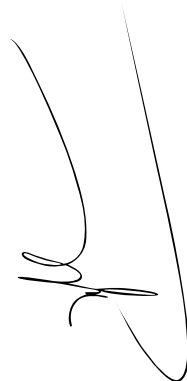
**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>36.500.000.000</b>	<b>500.732.516</b>	<b>13.546.583.958</b>	<b>2.485.580.162</b>	<b>-</b>	<b>103.032.896.636</b>
Phát hành cổ phiếu	12.000.000.000	21.600.000.000	-	-	-	-	33.600.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	21.911.237.930	21.911.237.930
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.135.146.620	657.337.138	(6.792.483.758)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.338.754.172)	(3.338.754.172)
Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(11.780.000.000)	(11.780.000.000)
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	(500.732.516)	-	-	-	(500.732.516)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>58.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>19.681.730.578</b>	<b>3.142.917.300</b>	<b>-</b>	<b>142.924.647.878</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	13.576.591.074	13.576.591.074
Trích lập các quỹ	-	-	-	409.342.506	-	(409.342.506)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.436.375.785)	(2.436.375.785)
Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(10.540.000.000)	(10.540.000.000)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>58.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.091.073.084</b>	<b>3.142.917.300</b>	<b>190.872.783</b>	<b>143.524.863.167</b>

Người lập:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng  
Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người duyệt:



**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 (VND)	2010 (VND)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>20.551.225.822</b>	<b>26.992.397.116</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	12.918.882.421	7.353.589.557
Các khoản dự phòng	03	567.115.851	2.124.239.380
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.482.395.267)	(284.558.127)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(1.513.304.544)	(1.515.118.892)
Chi phí lãi vay	06	16.811.468.127	4.834.943.703
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>47.852.992.410</b>	<b>39.505.492.737</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(1.845.074.326)	(23.009.403.474)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.137.894.302)	(10.467.780.024)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	22.863.933.497	7.414.912.396
Biến động chi phí trả trước	12	(185.965.750)	-
		<b>64.547.991.529</b>	<b>13.443.221.635</b>
Lãi vay đã trả	13	(14.702.962.095)	(4.802.610.495)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(7.014.393.142)	(3.373.419.655)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.250.416.517)	(3.432.349.442)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>40.560.472.605</b>	<b>1.834.842.043</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(62.238.362.906)	(49.511.611.770)
Tiền thu từ/(chi cho) đầu tư ngắn hạn	24	6.649.782.451	(5.683.914.368)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(6.620.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.513.304.544	1.515.118.892
Ảnh hưởng của việc thôi hợp nhất	28	-	(58.529.564)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(54.075.275.911)</b>	<b>(60.358.936.810)</b>




# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 (VND)	2010 (VND)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	33.600.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	51.441.840.434	53.895.359.264
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.712.097.907)	(12.368.478.714)
Tiền trả cổ tức	36	(11.778.685.000)	(7.439.190.000)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.951.057.527</b>	<b>67.687.690.550</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>			
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>	<b>(5.563.745.779)</b>	<b>9.163.595.783</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>60</b>	<b>29.775.258.517</b>	<b>20.232.496.289</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (thuyết minh số 3)</b>	<b>70</b>	<b>24.167.472.208</b>	<b>29.775.258.517</b>

Người lập:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**  
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người duyệt:



**Nguyễn Quang Trị**  
Tổng Giám đốc

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong ngành dược.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 371 nhân viên (31/12/2010: 363 nhân viên).

## 2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### a. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### b. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### c. Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

### d. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

### e. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

### f. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, bao gồm cả các khoản đầu tư vào công ty liên kết, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### g. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### h. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## i. Tài sản cố định hữu hình

### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
- Phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm

## j. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

## k. Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## l. Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

## m. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## n. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định vào đại hội cổ đông thường niên.

## o. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

## p. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## q. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## r. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

## s. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	VND
Tiền mặt	672.537.186	1.605.593.202
Tiền gửi ngân hàng	11.468.610.559	28.169.665.315
Các khoản tương đương tiền	12.026.324.463	-
	<b>24.167.472.208</b>	<b>29.775.258.517</b>

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ tương đương 5.221.373.049 VND (31/12/2010: 8.840.386.316 VND).

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Phải thu khách hàng bao gồm:

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Phải thu từ các bên liên quan	1.139.679.542	677.423.972
Phải thu từ các bên thứ ba	71.992.479.176	61.584.523.298
	<b>73.132.158.718</b>	<b>62.261.947.270</b>

Khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Phải thu khác từ một cổ đông	1.304.794.725	1.304.794.725
Ký quỹ ngắn hạn	140.142.000	207.910.185
Phải thu khác	2.710.527.884	576.161.633
	<b>4.155.464.609</b>	<b>2.088.866.543</b>

Khoản phải thu từ một cổ đông không có đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	VND	VND
Số dư đầu năm	370.489.919	-
Tăng dự phòng trong năm	341.509.689	370.489.919
Số dư cuối năm	<b>711.999.608</b>	<b>370.489.919</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa được phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày (tùy theo từng khách hàng) kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Số dư gộp 31/12/2011 (VND)	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 (VND)
Trong hạn	42.410.736.587	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	8.722.079.970	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	22.039.974.702	-
Quá hạn trên 180 ngày	4.114.832.068	711.999.608
	<b>77.287.623.327</b>	<b>711.999.608</b>

## 5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Nguyên vật liệu	28.946.209.578	39.861.112.548
Công cụ và dụng cụ	49.974.021	85.709.293
Sản phẩm dở dang	5.112.981.950	4.073.628.706
Thành phẩm	29.001.600.226	16.310.831.933
Hàng hóa	2.828.700	228.553
	63.113.594.475	60.331.511.033
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(144.120.835)	(1.499.931.695)
	<b>62.969.473.640</b>	<b>58.831.579.338</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2011 (VND)	2010 (VND)
Số dư đầu năm	1.499.931.695	-
Tăng dự phòng trong năm	-	1.499.931.695
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.355.810.860)	-
Số dư cuối năm	<b>144.120.835</b>	<b>1.499.931.695</b>

## 6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	52.279.616.595	66.139.644.194	4.469.098.462	122.888.359.251
Tăng trong năm	1.008.995.173	7.207.293.473	706.954.545	8.923.243.191
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.743.264.308	-	-	12.743.264.308
Thanh lý	-	-	(223.148.497)	(223.148.497)
Số dư cuối năm	66.031.876.076	73.346.937.667	4.952.904.510	144.331.718.253
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	17.129.472.957	27.480.736.178	2.421.961.051	47.032.170.186
Khấu hao trong năm	3.814.189.623	8.548.427.941	556.264.857	12.918.882.421
Thanh lý	-	-	(223.148.497)	(223.148.497)
Số dư cuối năm	20.943.662.580	36.029.164.119	2.755.077.411	59.727.904.110
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư cuối năm	45.088.213.496	37.317.773.548	2.197.827.099	84.603.814.143
Số dư đầu năm	35.150.143.638	38.658.908.016	2.047.137.411	75.856.189.065

Trong tài sản cố định hữu hình tại có các tài sản có nguyên giá là 20.466.153.010 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2010: 17.705.407.452 VND).

Tại, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 44.219.358.342 VND (31/12/2010: 9.006.762.058 VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Quyền sử dụng đất (VND)	
<b>Nguyên giá</b>	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	42.037.251.533
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	42.037.251.533

## 8. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Số dư đầu năm	1.465.396.126	1.794.779.017
Tăng trong năm	11.277.868.182	25.198.013.041
Giảm do công ty con thành công ty liên kết	-	(568.421.053)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.743.264.308)	(24.958.974.879)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.465.396.126</b>

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vốn dài hạn tại	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Công ty liên kết			
Công ty cổ phần dược Danapha - Nanosome	49%	8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư vốn vào công ty khác			
Công ty cổ phần Dược - TBYT Đà Nẵng	7%	5.000.000.000	5.000.000.000
		<b>13.820.000.000</b>	<b>13.820.000.000</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Giấy chứng nhận đầu tư	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty cổ phần dược Danapha - Nanosome	3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006.	Sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm.	49%	49%



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 10. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Vay ngắn hạn	44.320.660.744	15.417.484.534
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15)	11.686.407.392	2.967.139.555
	<b>56.007.068.136</b>	<b>18.384.624.089</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>				
Khoản vay 1	VND	19,5%	30.003.564.014	15.417.484.534
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>				
Khoản vay 2	VND	16,0%	5.589.727.342	-
Khoản vay 3	USD	6,0%	8.727.369.388	-
			<b>44.320.660.744</b>	<b>15.417.484.534</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 12.914.511.749 VND (31/12/2010: 8.582.798.679 VND).

## 11. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.966.400.792	2.006.159.186
Thuế thu nhập cá nhân	160.210.158	52.771.832
	<b>2.126.610.950</b>	<b>2.058.931.018</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Hoa hồng cho đại lý	561.886.299	3.527.552.168
Phí dịch vụ chuyên môn	346.500.000	169.193.652
Lãi vay phải trả	2.975.412.588	866.906.556
	<b>3.883.798.887</b>	<b>4.563.652.376</b>

## 13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Phí công đoàn	151.863.300	151.165.354
Bảo hiểm xã hội và y tế	4.691.870	2.314.786
Các khoản phải trả cổ phần hóa	1.304.794.725	1.304.794.725
Tạm ứng từ một cổ đông cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	40.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức phải trả	10.541.315.000	11.780.000.000
Phải trả khác	415.615.269	1.541.878.619
	<b>52.418.280.164</b>	<b>24.780.153.484</b>

Khoản tạm ứng từ một cổ đông cho hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sản xuất dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí vay cố định là 5.000.000.000 VND trong năm 2011 và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

## 14. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2011 (VND)	2010 (VND)
Chuyển từ nguồn kinh phí sự nghiệp	1.209.207.421	986.937.701
Tặng do công ty con trở thành công ty liên kết	-	26.201.215
Trích từ lợi nhuận giữ lại	2.436.375.785	3.338.754.172
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.250.416.517)	(3.142.685.667)
Số dư cuối năm	<b>1.395.166.689</b>	<b>1.209.207.421</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 15. VAY DÀI HẠN

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Vay dài hạn	34.092.611.510	43.202.139.555
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 10)	(11.686.407.392)	(2.967.139.555)
Hoàn trả sau 12 tháng	22.406.204.118	40.235.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)	
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>						
Khoản vay 1	(i)	VND	22,0%	9/2015	458.718.750	-
Khoản vay 2	(ii)	VND	20,0%	9/2014	24.387.499.996	32.150.000.000
Khoản vay 3	(iii)	VND	21,0%	12/2014	8.406.392.764	7.245.000.000
Khoản vay 4	(iv)	VND	20,0%	6/2012	840.000.000	1.960.000.000
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam</i>						
Khoản vay 5		VND	17,5%	6/2011	-	1.847.139.555
				<b>34.092.611.510</b>	<b>43.202.139.555</b>	

- (i) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 667.679.292 VND.
- (ii) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.297.169.224 VND (31/12/2010: Khoản vay tín chấp).
- (iii) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 14.339.998.077 VND (31/12/2010: Khoản vay tín chấp).
- (iiiv) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 7.915.792.876 VND (31/12/2010: 4.780.578.136 VND).

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 15. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn và dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ (VND)	Dòng tiền theo hợp đồng (VND)	Trong vòng 1 năm (VND)	1 – 2 năm (VND)	2 – 5 năm (VND)	Hơn 5 năm (VND)
Khoản vay ngắn hạn	44.320.660.744	47.020.822.624	47.020.822.624	-	-	-
Khoản vay dài hạn	34.092.611.510	49.646.984.213	21.731.952.115	15.265.261.912	12.649.770.186	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty giảm 333.247.373 VND.

Giá trị ghi sổ của các khoản vay dài hạn phản ánh giá trị hợp lý tương ứng của chúng dựa trên lãi suất hiện hành áp dụng cho các khoản vay dài hạn có các điều khoản và thời gian đáo hạn tương ứng.

### 16. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2011 (VND)
Số dư đầu năm	104.256.595
Trích lập dự phòng trong năm	225.606.162
Sử dụng dự phòng trong năm	(297.223.393)
Số dư cuối năm	32.639.364

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trong năm là 3% tổng quỹ lương theo hướng dẫn trong Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đóng 221.296.134 VND (2010: 168.285.858 VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 17. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	6.200.000	62.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000	62.000.000.000
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000	62.000.000.000

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	6.200.000	62.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	1.200.000	12.000.000.000
Số dư cuối năm	6.200.000	62.000.000.000	6.200.000	62.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và năm 2010, các cổ đông của Công ty gồm:

	Số cổ phiếu	%
Tổng công ty Dược Việt Nam	2.916.125	47,03%
Các cổ đông khác	3.283.875	52,97%
	6.200.000	100%

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 18. CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

### (i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### (ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để bù cho lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

## 19. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 (VND)	2010 (VND)
<b>Tổng doanh thu</b>		
- Bán hàng	256.199.286.447	205.892.409.339
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Giảm giá hàng bán	-	(54.156.463)
- Hàng bán bị trả lại	(500.998.770)	(1.255.884.964)
Doanh thu thuần	255.698.287.677	204.582.367.912

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 (VND)	2010 (VND)
Thành phẩm đã bán	149.063.836.714	112.408.434.319
Hàng hoá đã bán	243.450.907	815.349.855
	149.307.287.621	113.223.784.174

## 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 (VND)	2010 (VND)
Lãi tiền gửi	1.113.304.544	1.215.118.892
Thu nhập từ cổ tức	400.000.000	300.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.069.533.743	777.485.250
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.482.395.267	284.558.127
	5.065.233.554	2.577.162.269

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 (VND)	2010 (VND)
Chi phí lãi vay	16.811.468.127	4.834.943.703
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	311.129.521	532.273.793
	17.122.597.648	5.367.217.496

## 23. THUẾ THU NHẬP

### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 (VND)	2010 (VND)
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	6.974.634.748	5.081.159.186

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 (VND)	2010 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	20.551.225.822	26.992.397.116
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.137.806.456	6.748.099.279
Ưu đãi thuế	-	(5.081.159.186)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.836.828.292	3.414.219.093
	6.974.634.748	5.081.159.186

### (c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

#### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 (VND)	2010 (VND)
Lợi nhuận thuộc các cổ đông phổ thông của Công ty	13.576.591.074	21.911.237.930

#### (ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền đang lưu hành

	2011 / Số cổ phiếu	2010 / Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	6.200.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành ngày 14 tháng 9 năm 2010	-	355.068
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	6.200.000	5.355.068

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

### 25. CỔ TỨC

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã quyết định chia cổ tức 10.540.000.000 VND, tương đương 1.700 VND trên một cổ phiếu (2010: 11.780.000.000 VND, tương đương 1.900 VND trên một cổ phiếu).



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 26. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2011 (VND)	2010 (VND)
<b>Tổng công ty Dược Việt Nam</b>		
Cổ tức phải trả	4.957.412.500	5.540.637.500
Tạm ứng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh nhận được	40.000.000.000	10.000.000.000
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả	5.600.000.333	1.179.528.556
Góp vốn cổ phần	-	15.820.000.000
<b>Thành viên của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị</b>		
Lương và thù lao	1.950.317.232	1.203.148.303

## 27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
Trong vòng một năm	788.023.117	589.766.600
Từ hai đến năm năm	728.290.716	1.156.200.414
Sau năm năm	3.240.000.000	3.240.345.206
	4.756.313.833	4.986.312.220

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 28. TÀI SẢN/(NỢ) THUẢN BẰNG NGOẠI TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các tài sản/(nợ) thuần bằng ngoại tệ như sau:

	EUR	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	248.068
Phải thu khách hàng	-	1.136.866
Phải trả người bán	(27.800)	(5.535)
Vay ngắn hạn	-	(419.021)
	(27.800)	960.378

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là các tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2011 (VND)	31/12/2010 (VND)
USD1	20.828	18.932
EUR1	27.687	23.356

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 31/12/2011 (VND)	
USD (mạnh thêm 10%) – làm tăng lợi nhuận thuần	1.500.206.021
EUR (mạnh thêm 10%) – làm giảm lợi nhuận thuần	(57.727.395)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm (tiếp theo)

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 (VND)	2010 (VND)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	137.344.900.302	89.715.761.764
Chi phí nhân công và nhân viên	38.178.623.531	25.945.534.981
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.918.882.421	7.353.589.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.417.233.822	17.465.978.968
Chi phí khác	28.637.794.577	34.264.971.991

Người lập:



**Nguyễn Thị Vạn Thọ**

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Người duyệt:



**Nguyễn Quang Trị**

Tổng Giám đốc

---

## Công ty Cổ Phần Dược Danapha

[www.danapha.com](http://www.danapha.com)

**Văn phòng - Nhà máy 1:** 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam - **ĐT:** (84. 511) 375 7676 / 375 7679 - **Fax:** (84. 511) 376 0127 - **Email:** [info@danapha.com](mailto:info@danapha.com)

**Nhà máy 2:** Đường số 7 - KCN Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng, Việt Nam - **ĐT:** (84. 511) 3734 678 - **Fax:** (84. 511) 3760 127

**Chi nhánh tại Hà Nội:** Số 9, Ngõ 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - **ĐT:** (84. 4) 3664 7357 - **Fax:** (84. 4) 3664 9628

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:** 334 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh - **ĐT:** (84. 8) 3970 8129 - **Fax:** (84. 8) 3970 8127

**Chi nhánh tại Thanh Hóa:** Lô 28 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa - **ĐT:** (84. 37) 371 9917 - **Fax:** (84. 37) 385 6420

**Chi nhánh tại Khánh Hòa:** 7/1 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa - **ĐT:** (84. 58) 387 0077 - **Fax:** (84. 58) 387 0097